



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	12 – 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997 và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 13 ngày 04 tháng 06 năm 2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : PMC

Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	40.543.090.000	43,44
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	52.782.640.000	56,56
Cộng	93.325.730.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
(Nay là 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh)

Điện thoại : +84 (28) – 3920 0502

Fax : +84 (28) – 3920 0096

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7

▪ Thông tin về chi nhánh (chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Địa chỉ : Tầng 3, số 74B ngõ 116, phố Nhân Hòa, phường Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : +84 907 391 119

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7 – 0 0 1

▪ Nhà máy sản xuất

Địa chỉ : 1/67 đường Nguyễn Văn Quà, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
(Nay là 1/67 đường Nguyễn Văn Quà, phường Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh).

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn chi tiết: In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng chi tiết: Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu chi tiết: Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật chi tiết: dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho tới thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Văn Thịnh	Chủ tịch	20/04/2024	-
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	20/04/2024	-
Bà Trần Đăng Khoa	Thành viên	20/04/2024	-
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	20/04/2024	-

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Trưởng ban	20/04/2024	-
Bà Phạm Thị Thủy Mỹ	Thành viên	20/04/2024	-
Bà Trần Thị Vân	Thành viên	20/04/2024	-

9175.
NG TY
TÊN HỮU
N VÀ T
N VI
HỒ C

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Việt Hùng	Tổng Giám đốc	01/06/2024	-
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	01/01/2025
Ông Phan Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	14/06/2024	-
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	14/06/2024	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Việt Hùng – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp từ trang 08 đến trang 36.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này giữa niên độ tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

TM. Hội đồng quản trị



LÊ VĂN THỊNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 2421/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ tổng hợp dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		312.532.736.149	335.435.862.125
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.983.928.038	60.084.311.574
111	1. Tiền		4.983.928.038	14.084.311.574
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	46.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		92.000.000.000	141.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	92.000.000.000	141.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.271.372.046	62.795.373.353
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	29.612.492.501	42.266.982.055
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	60.133.552.597	18.531.049.059
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.609.394.979	3.042.130.164
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(1.084.068.031)	(1.044.787.925)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	117.442.586.789	71.119.358.870
141	1. Hàng tồn kho		117.442.586.789	71.119.358.870
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.834.849.276	436.818.328
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	6.501.630.955	435.058.327
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		333.218.321	1.760.001
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		52.222.812.733	40.403.365.490
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		40.382.171.540	34.272.818.764
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	38.281.809.424	32.058.363.300
222	- Nguyên giá		232.322.778.123	223.840.742.602
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(194.040.968.699)	(191.782.379.302)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	2.100.362.116	2.214.455.464
228	- Nguyên giá		8.057.764.909	8.057.764.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.957.402.793)	(5.843.309.445)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.340.000.928	68.689.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.340.000.928	68.689.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.500.640.265	6.061.857.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	9.500.640.265	6.061.857.726
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		364.755.548.882	375.839.227.615

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		106.653.962.063	86.227.405.346
310	I. Nợ ngắn hạn		106.653.962.063	86.227.405.346
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	24.452.343.058	16.250.307.183
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.479.135.059	1.457.135.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	8.550.943.757	8.228.625.615
314	4. Phải trả người lao động	V.14	29.476.317.523	34.953.678.236
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		42.739.726	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	15.953.344.643	16.177.248.797
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	20.000.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	6.699.138.297	9.160.410.456
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		258.101.586.819	289.611.822.269
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	258.101.586.819	289.611.822.269
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		93.325.730.000	93.325.730.000
411a	- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.325.730.000	93.325.730.000
411b	- Có phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		972.972.000	972.972.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		93.250.277.906	93.250.277.906
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		70.552.606.913	102.062.842.363
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		36.439.380.905	50.736.211.444
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		34.113.226.008	51.326.630.919
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		364.755.548.882	375.839.227.615

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN MẠNH HÙNG

NGUYỄN DIỆU LÊ

LÊ VIỆT HÙNG



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	257.955.509.217	238.540.356.733
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	32.351.722	143.024.601
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		257.923.157.495	238.397.332.132
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	146.658.195.453	152.461.455.670
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.264.962.042	85.935.876.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.903.041.929	4.821.676.837
22	7. Chi phí tài chính		42.739.726	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		42.739.726	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	29.477.255.192	21.147.552.398
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	28.880.478.054	21.083.245.153
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.767.530.999	48.526.755.748
31	11. Thu nhập khác	VI.7	709.547.313	232.034.764
32	12. Chi phí khác	VI.8	92.820.802	43.806.979
40	13. Lợi nhuận khác		616.726.511	188.227.785
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.384.257.510	48.714.983.533
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	11.322.031.502	9.834.780.428
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.062.226.008	38.880.203.105
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.9	3.655	3.041
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.10	3.655	3.041

Người lập biểu

TRẦN MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN DIỆU LÊ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.



Tổng Giám Đốc

LÊ VIỆT HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế		56.384.257.510	48.714.983.533
	2. Điều chỉnh các khoản		2.318.900.968	1.052.164.990
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.9 & V.10	5.428.495.088	5.857.902.909
03	- Các khoản dự phòng		39.280.106	4.489.093
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.191.613.952)	(4.810.227.012)
06	- Chi phí lãi vay		42.739.726	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		58.703.158.478	49.767.148.523
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(29.926.420.677)	(22.654.678.539)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(46.323.227.919)	4.864.467.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		19.565.521.735	(4.934.173.171)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.776.667.095)	(1.974.811.571)
14	- Tiền lãi vay đã trả			
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(11.679.568.447)	(11.120.968.142)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.16	(15.572.237.217)	(15.315.609.824)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(37.009.441.142)	(1.368.625.724)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(27.346.364.604)	(3.405.653.074)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		664.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(111.500.000.000)	(225.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	160.500.000.000	268.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.606.752.055	6.167.440.711
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		25.924.932.906	46.261.787.637
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.16	20.000.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17c	(64.015.875.300)	(51.763.873.466)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(44.015.875.300)	(51.763.873.466)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(55.100.383.536)	(6.870.711.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		60.084.311.574	13.252.269.450
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	4.983.928.038	6.381.557.897

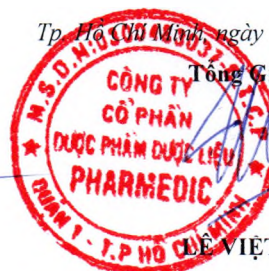
Người lập biểu

TRẦN MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN DIỆU LÊ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Doanh thu năm nay tăng 8,14% so với cùng kỳ năm trước do giá bán các mặt hàng tăng. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán giảm 3,81% do sản lượng các mặt hàng chủ lực giảm cũng là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng.

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty có 524 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 535 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Máy móc và thiết bị	06-10
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả người lao động và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả cho người lao động phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động về tiền công, tiền thưởng và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động. Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thực phẩm chức năng, mỹ phẩm,..) và doanh thu bán thành phẩm thuốc các loại:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản lỗ ti giá hối đoái.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi). Trường hợp không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán thì tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	479.599.918	461.275.850
1.2	Tiền gửi ngân hàng	4.504.328.120	13.623.035.724
1.3	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	46.000.000.000
Tổng cộng		4.983.928.038	60.084.311.574

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết gồm: (*)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	70.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	17.500.000.000	12.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	47.000.000.000	47.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	92.000.000.000	141.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng. Tại ngày 30/06/2025, giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty là 25.000.000.000 đồng (Xem tại thuyết minh V.17).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là phải thu ngắn hạn chủ yếu về tiêu thụ thành phẩm dược phẩm.

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	3.996.616.517	19.876.415.247
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh	3.996.616.517	19.876.415.247
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	25.615.875.984	22.390.566.808
- Công ty CP Dược phẩm FPT Long Châu	4.479.674.350	2.691.150.948
- Các đối tượng khác	21.136.201.634	19.699.415.860
Cộng	29.612.492.501	42.266.982.055

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Là khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu của việc mua nguyên liệu và mua thiết bị tài sản cho sản xuất.

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	20.000.000.000	-
Trả trước ngắn hạn cho người bán khác	40.133.552.597	18.531.049.059
- Công ty TNHH TB New Diamond	8.063.726.000	910.360.000
- Công ty TNHH TMDV Gold Seal	7.243.292.160	2.214.208.224
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Huy Phát	2.337.359.498	3.975.058.820
- Các đối tượng khác	22.489.174.939	11.431.422.015
Cộng (*)	60.133.552.597	18.531.049.059

(*) Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.609.394.979	-	3.042.130.164	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.461.235.617	-	2.540.919.175	-
- Tạm ứng	731.008.294	-	280.886.696	-
- Phải thu khác	417.151.068	-	220.324.293	-
Cộng	2.609.394.979	-	3.042.130.164	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác				
- Công ty DOQ Pharma	673.833.638	-	673.833.638	-
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Vạn Phúc	50.084.401	-	55.084.401	-
- Công ty CP Dược và Vật tư y tế Kiên Giang	234.872.958	87.502.470	234.872.958	25.560.874
- Các đối tượng khác	289.322.623	76.543.119	185.187.634	78.629.832
Cộng	1.248.113.620	164.045.589	1.148.978.631	104.190.706

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.044.787.925	1.012.964.192
Trích lập dự phòng	39.280.106	4.489.093
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	1.084.068.031	1.017.453.285

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7. Hàng tồn kho

		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	50.711.357.543	-	23.403.160.904	-
7.2	Công cụ, dụng cụ	723.300.623	-	806.516.468	-
7.3	Chi phí SXKD dở dang	7.196.917.251	-	10.191.552.710	-
7.4	Thành phẩm	56.650.266.519	-	34.228.423.181	-
7.5	Hàng hóa	2.160.744.853	-	2.489.705.607	-
	Cộng	117.442.586.789	-	71.119.358.870	-

Nguyên liệu, vật liệu

Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng cho sản xuất dược phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Là nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm dở dang và vật liệu đưa đi gia công bao bì.

Thành phẩm

Chủ yếu là thành phẩm thuốc.

Hàng hóa

Chủ yếu là thực phẩm chức năng, thuốc các loại.

8. Chi phí trả trước**8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phần mềm	2.750.000.000	-
- Chi phí bảo hiểm các loại	161.569.135	323.138.275
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.590.061.820	111.920.052
Cộng	6.501.630.955	435.058.327

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	435.058.327	453.285.915
Tăng trong kỳ	7.864.605.256	3.450.371.092
Phân bổ trong kỳ	(1.798.032.628)	(1.098.235.729)
Số dư cuối kỳ	6.501.630.955	2.805.421.278

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	6.011.988.750	3.489.595.679
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.488.651.515	2.572.262.047
Cộng	9.500.640.265	6.061.857.726

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	6.061.857.726	5.156.718.775
Tăng trong kỳ	5.816.167.108	1.003.849.119
Phân bổ trong kỳ	(2.377.384.569)	(1.381.172.911)
Số dư cuối kỳ	9.500.640.265	4.779.394.983

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	32.966.082.017	160.971.788.350	24.581.109.782	5.321.762.453	223.840.742.602
2. Tăng trong kỳ	-	10.780.240.060	-	757.607.804	11.537.847.864
- Tăng do mua mới	-	10.780.240.060	-	757.607.804	11.537.847.864
3. Giảm trong kỳ	-	1.322.395.070	1.733.417.273	-	3.055.812.343
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.322.395.070	1.733.417.273	-	3.055.812.343
4. Số dư cuối kỳ	32.966.082.017	170.429.633.340	22.847.692.509	6.079.370.257	232.322.778.123
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	21.654.765.146	107.073.849.546	15.667.569.879	2.326.784.271	146.722.968.842
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	29.292.507.154	136.928.209.178	21.509.066.372	4.052.596.598	191.782.379.302
2. Tăng trong kỳ	343.102.841	4.261.287.426	481.079.778	228.931.695	5.314.401.740
- Khấu hao trong kỳ	343.102.841	4.261.287.426	481.079.778	228.931.695	5.314.401.740
3. Giảm trong kỳ	-	1.322.395.070	1.733.417.273	-	3.055.812.343
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.322.395.070	1.733.417.273	-	3.055.812.343
4. Số dư cuối kỳ	29.635.609.995	139.867.101.534	20.256.728.877	4.281.528.293	194.040.968.699
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	3.673.574.863	24.043.579.172	3.072.043.410	1.269.165.855	32.058.363.300
2. Tại ngày cuối kỳ	3.330.472.022	30.562.531.806	2.590.963.632	1.797.841.964	38.281.809.424

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không thể chấp tài sản cố định cho các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2.916.105.767	3.849.899.609	1.291.759.533	8.057.764.909
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.916.105.767	3.849.899.609	1.291.759.533	8.057.764.909
Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	-	2.629.649.609	1.258.426.200	3.888.075.809
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	874.831.725	3.687.829.297	1.280.648.423	5.615.122.747
2. Tăng trong kỳ	29.161.056	80.765.628	4.166.664	114.093.348
- Khấu hao trong kỳ	29.161.056	80.765.628	4.166.664	114.093.348
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	903.992.781	3.768.594.925	1.284.815.087	5.957.402.793
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2.041.274.042	162.070.312	11.111.110	2.214.455.464
2. Tại ngày cuối kỳ	2.012.112.986	81.304.684	6.944.446	2.100.362.116

(*) Là giá trị quyền sử dụng đất của lô đất có diện tích 591,5 m², thời hạn sử dụng 50 năm, tọa lạc tại phường Đồng Hưng Thuận, TP. HCM theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 830648 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2009.

11. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Số cuối kỳ**Số đầu năm****Phải trả người bán ngắn hạn cho các bên liên quan****Phải trả cho người bán ngắn hạn khác****24.452.343.058****16.250.307.183**

- Công ty TNHH SX Nhựa TM DV Toàn Thịnh

3.379.955.040

1.156.053.600

- Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn

2.283.672.788

1.478.866.032

- Công ty TNHH MTV SXTM Trương Song Long An

3.264.813.000

1.597.708.800

- Các đối tượng khác

15.523.902.230

12.017.678.751

Cộng**24.452.343.058****16.250.307.183**

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong kỳ.

12. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền ứng trước của khách hàng mua thành phẩm dược phẩm.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	457.094.831	-	2.734.420.718	(3.191.515.549)	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.261.026.287	(1.261.026.287)	-	-
- Thuế TNDN	6.579.568.447	-	11.322.031.502	(11.679.568.447)	6.222.031.502	-
- Thuế TNCN	1.191.637.617	-	2.772.206.016	(3.705.253.218)	258.590.415	-
- Thuế tài nguyên	324.720	-	1.786.320	(1.789.200)	321.840	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.173.312.803	(2.103.312.803)	2.070.000.000	-
- Thuế khác	-	-	76.500.000	(76.500.000)	-	-
Cộng	8.228.625.615	-	22.341.283.646	(22.018.965.504)	8.550.943.757	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu là dược phẩm 5%
- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ phế liệu, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là dược phẩm 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.384.257.510	48.714.983.533
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	225.900.000	458.918.600
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	56.610.157.510	49.173.902.133
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.322.031.502	9.834.780.428
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.322.031.502	9.834.780.428

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	27.893.712.004	32.499.477.255
Tiền ăn giữa ca	380.168.500	397.747.500
Các khoản khác cho CBCNV	1.202.437.019	2.056.453.481
Cộng	29.476.317.523	34.953.678.236

Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	15.953.344.643	16.177.248.797
- BHXH, BHYT, BHTN, Kinh phí Công đoàn	452.484.180	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	957.000.000	928.100.000
- Cổ tức phải trả	14.251.618.274	14.805.997.174
- Các đối tượng khác	292.242.189	443.151.623
Cộng	15.953.344.643	16.177.248.797

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn theo Thông báo cấp hạn mức tín dụng số 1606/2025/TB-MSB ngày 16/06/2025 với số tiền là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay: thanh toán trong nước hoặc thanh toán hàng nhập khẩu. Thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với tổng giá trị là 25.000.000.000 đồng. (Xem tại thuyết minh V.2).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.505.848.319	7.284.980.588	20.592.000	(6.516.390.695)	6.295.030.212
Quỹ phúc lợi	3.080.752.372	3.399.324.274	-	(7.160.605.272)	(680.528.626)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	573.809.765	2.426.660.196	-	(1.915.833.250)	1.084.636.711
Cộng	9.160.410.456	13.110.965.058	20.592.000	(15.592.829.217)	6.699.138.297

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024					
Tại ngày 01/01/2024	93.325.730.000	972.972.000	194.975.323.606	53.922.867.745	427.782.034.298
- Tăng trong kỳ	-	-	-	38.880.203.105	38.880.203.105
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	38.880.203.105	38.880.203.105
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	(63.031.550.501)	(63.031.550.501)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(11.702.399.001)	(11.702.399.001)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(51.329.151.500)	(51.329.151.500)
Tại ngày 30/06/2024	93.325.730.000	972.972.000	194.975.323.606	29.771.520.349	319.045.545.955
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025					
Tại ngày 01/01/2025	93.325.730.000	972.972.000	93.250.277.906	102.062.842.363	289.611.822.269
- Tăng trong kỳ	-	-	-	45.062.226.008	45.062.226.008
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	45.062.226.008	45.062.226.008
- Giảm trong kỳ	-	-	-	(76.572.461.458)	(76.572.461.458)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(13.110.965.058)	(13.110.965.058)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(63.461.496.400)	(63.461.496.400)
Tại ngày 30/06/2025	93.325.730.000	972.972.000	93.250.277.906	70.552.606.913	258.101.586.819

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của cổ đông nhà nước (Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn)	43,44	40.543.090.000	40.543.090.000
- Vốn góp của cổ đông khác	56,56	52.782.640.000	52.782.640.000
Cộng	100,00	93.325.730.000	93.325.730.000

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	93.325.730.000	93.325.730.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ tức lợi nhuận đã phân phối	63.461.496.400	51.329.151.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(64.015.875.300)	(51.763.873.466)

18d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.332.573	9.332.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

18e. Chi tiết lợi nhuận đã phân phối

- Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận còn lại năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 37/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 19/04/2025 và phân phối lợi nhuận hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 98/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 11/11/2024 (đợt 2) như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông	:	63.461.496.400
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.161.965.058
Cộng		65.623.461.458

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2025: tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT 90% so với tỷ lệ kế hoạch năm 2024 (Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT kế hoạch năm 2024 là 27%).

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT : 10.949.000.000

Cộng **10.949.000.000**

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**19a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.555,18	1.608,28

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Khang Nhân	175.838.789	175.838.789
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu	173.755.550	173.755.550
Công ty Cổ phần Dược phẩm ADMK	153.157.961	153.157.961
Công ty TNHH MTV Apharco	138.344.268	138.344.268
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu ADMK-CN Tây Ninh	124.771.171	124.771.171
Công ty TNHH BVĐK Anh Minh	18.777.668	18.777.668
Công ty TNHH Đa Khoa Phước Sơn	4.574.010	4.574.010
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược – Vật tư y tế Quảng Ngãi	27.489.442	27.489.442
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Trung	16.869.797	16.869.797
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Net Vạn Phúc	14.274.887	14.274.887
Cộng	847.853.543	847.853.543

19c. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (*) như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.152.755.256	4.629.778.156
Trên 1 năm đến 5 năm	20.763.776.280	23.148.890.778
Trên 5 năm	113.519.170.132	128.825.342.219
Cộng	138.435.701.668	156.604.011.153

(*) Là khoản tiền thuê đất của Nhà nước tại địa chỉ 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM thời gian thuê đến ngày 26/10/2058 theo hợp đồng thuê đất số 547/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 20/01/2009, địa chỉ 167 Đồng Hưng Thuận B, phường Đồng Hưng Thuận, TP.HCM thời gian thuê đến 30/09/2058 theo hợp đồng số 9837/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 01/12/2008.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm	253.877.474.060	233.842.060.853
- Doanh thu bán hàng hóa	4.078.035.157	4.698.295.880
Tổng cộng	257.955.509.217	238.540.356.733

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Thành phẩm bán bị trả lại, chiết khấu thương mại	32.351.722	143.024.601
Tổng cộng	32.351.722	143.024.601

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn thành phẩm	43.891.760.557	148.813.380.347
- Giá vốn hàng hóa	2.766.434.896	3.648.075.323
Tổng cộng	146.658.195.453	152.461.455.670

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.884.064.689	4.810.227.012
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.977.240	11.449.825
Tổng cộng	2.903.041.929	4.821.676.837

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	19.056.687.698	12.917.420.496
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	584.886.071	488.934.489
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	521.120.818	514.357.698
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.140.463.240	836.306.068
- Chi phí bằng tiền khác	8.174.097.365	6.390.533.647
Tổng cộng	29.477.255.192	21.147.552.398

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	19.752.987.297	13.679.399.460
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	354.820.394	268.322.754
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.703.189	248.961.312
- Thuế, phí và lệ phí	1.065.246.361	807.348.440
- Trích dự phòng (+)/Hoàn nhập dự phòng (-)	39.280.106	4.489.093
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.939.481.650	2.190.140.002
- Chi phí bằng tiền khác	4.584.959.057	3.884.584.092
Tổng cộng	28.880.478.054	21.083.245.153

7. Thu nhập khác

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Nhượng bán nguyên phụ liệu	23.662.514	22.980.000
- Thanh lý tài sản cố định	664.545.455	-
+ Thu nhập thanh lý TSCĐ	664.545.455	-
+ Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
- Thu nhập khác	21.339.344	209.054.764
Tổng cộng	709.547.313	232.034.764

8. Chi phí khác

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhượng bán nguyên vật liệu	22.820.802	18.806.979
- Chi phí khác	70.000.000	25.000.000
Tổng cộng	92.820.802	43.806.979

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.062.226.008	38.880.203.105
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(10.949.000.000)	(10.497.654.838)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(10.949.000.000)	(10.497.654.838)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.113.226.008	28.382.548.267
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.332.573	9.332.573
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.655	3.041

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

^(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thu lao HĐQT năm 2024 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	45.062.226.008	38.880.203.105
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	(10.949.000.000)	(10.497.654.838)
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm ^(*)		(10.497.654.838)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	34.113.226.008	28.382.548.267
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	9.332.573	9.332.573
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.655	3.041

^(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thu lao HĐQT năm 2024 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.060.798.744	99.402.286.959
- Chi phí nhân công	77.518.026.018	61.764.031.781
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.257.929.332	916.583.611
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.428.495.088	5.857.902.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.148.945.792	8.528.795.024
- Chi phí bằng tiền khác	15.230.713.103	11.873.445.424
Tổng cộng	223.644.908.077	188.343.045.708

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (ĐVT: VND)

1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	(111.500.000.000)	(225.000.000.000)
Cộng	(111.500.000.000)	(225.000.000.000)

2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	160.500.000.000	268.500.000.000
Cộng	160.500.000.000	268.500.000.000

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Lê Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT	373.900.000	-
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.116.767.000	422.222.222
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	884.342.000	702.352.000
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên HĐQT	183.900.000	243.022.222
Bà Trần Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	181.900.000	30.300.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	203.900.000	52.300.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT	175.900.000	49.300.000
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	83.883.000	644.333.000
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	679.599.000	558.313.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	618.999.000	450.767.000
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	368.483.000	400.759.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Chi tiết	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Trưởng ban kiểm soát bổ nhiệm 20/4/2024	142.900.000	35.300.000
Bà Trần Thị Vân	Thành viên BKS	124.400.000	27.300.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Mỹ	Thành viên BKS	124.400.000	196.188.888
Ông Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 20/04/2024)	105.677.000	954.456.000
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 20/04/2024)	-	214.722.222
Ông Trần Đức Thắng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 20/04/2024)	-	236.944.444
Ông Lê Hữu Hùng	Trưởng ban kiểm soát miễn nhiệm 20/4/2024	-	231.111.111
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên BKS (miễn nhiệm 20/4/2024)	-	208.888.889
Cộng		5.368.950.000	5.658.579.998

Cổ tức nhận trong năm của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	157.664.800	95.062.600
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	138.040.000	83.230.000
Ông Trần Việt Trung	Tổng Giám Đốc (đã nghỉ hưu từ 01/06/2024)	25.064.800	15.112.600
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Tổng Giám đốc (đã nghỉ hưu từ 31/12/2024)	27.200.000	16.400.000
Cộng		347.969.600	209.805.200

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn nhất với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 43,44%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Cổ đông lớn với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 14,6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh		
- Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm (*)	26.177.590.084	27.441.204.642
- Thu tiền bán thành phẩm	42.057.388.814	30.568.045.011
- Chia trả cổ tức	27.569.301.200	22.298.699.500
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội		
- Chia cổ tức	9.263.286.400	5.585.216.800

(*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2c. Số dư với bên liên quan

Xem thuyết minh tại mục V.3, V.4 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hóa.
- Kinh doanh thành phẩm.

	Kinh doanh hàng hóa	Kinh doanh thành phẩm	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần	4.078.035.157	253.845.122.338	257.923.157.495
Giá vốn hàng bán	2.766.434.896	143.891.760.557	146.658.195.453
Lãi gộp	1.311.600.261	109.953.361.781	111.264.962.042
Kỳ trước			
Doanh thu thuần	4.698.295.880	233.699.036.252	238.397.332.132
Giá vốn hàng bán	3.648.075.323	148.813.380.347	152.461.455.670
Lãi gộp	1.050.220.557	84.885.655.905	85.935.876.462

Khu vực địa lý

Doanh thu toàn bộ được thực hiện tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

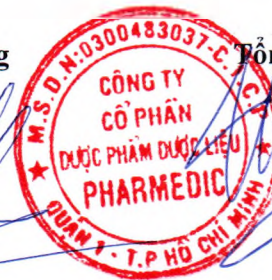
Người lập biểu

TRẦN MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐIỀU LÊ

Tổng Giám đốc



LÊ VIỆT HÙNG